






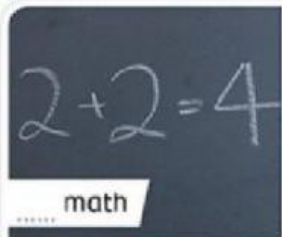




Name: .....

Class: 3 .....

**PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (02 - 06/08/2021)**

| Thời gian        | Nội dung học  | Bố/mẹ ký tên |
|------------------|---|--------------|
| Thứ 2<br>(02/08) | <p><b>1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (3 lần)</b><br/>Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.</p> <div></div> <p><b>2) Làm 01 phiếu “VOCABULARY 1”:</b><br/>Con vào Liveworksheets, chọn Workbook “<i>NIK3 – Week 1</i>” và làm <i>phiếu số 1</i></p> |              |

**1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)**








Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

Thứ 3  
(03/08)



2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

| I - You - We - They                            |  | He - She - It   |
|---|--|---|
| I <b>run</b> in P.E.                           |  | She <b>runs</b> in P.E.                          |
| They <b>like</b> art.                          |  | He <b>likes</b> art.                             |
| <b>8</b><br>eight <br>We <b>count</b> in math. |  | <b>8</b><br>eight <br>She <b>counts</b> in math. |






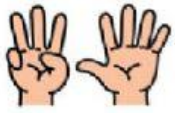

3) Làm 01 phiếu "REVIEW"

Con vào Liveworksheets, chọn Workbook "NIK3 - Week 1" - làm phiếu số 2

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.








Thứ 4  
(04/08)

| I - You - We - They  He - She - It                  |  |
|--|--|
| I <b>run</b> in P.E.                                | She <b>runs</b> in P.E.                               |
| They <b>like</b> art.                               | He <b>likes</b> art.                                  |
| We <b>count</b> in math.<br>8 <small>eight</small>  | She <b>counts</b> in math.<br>8 <small>eight</small>  |



2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

| I - You - We - They  He - She - It |   |  |   |
|---|---|--|---|
| I <b>don't</b> walk to school.  |  | She <b>doesn't</b> walk to school.       |  |
| They <b>don't</b> like computer science.  |  | He <b>doesn't</b> like computer science. |  |
| We <b>don't</b> watch TV on Friday  |  | She <b>doesn't</b> watch TV on Friday.   |  |

3) Làm 02 phiếu "GRAMMAR 2"

Con vào Liveworksheets, chọn Workbook "NIK3 - Week 1" - làm phiếu số 3 + 4

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

I - You - We - They



He - She - It

1. Do you like English?

- Yes, I **do**.



2. Does she have math on Wednesday?

- Yes, she **does**.



3. Do they play the piano?

- No, they **don't**.



4. Does he play the drums?

- No, he **doesn't**.



5. Do we have science on Monday?

- No, we **don't**.



6. Does it have big eyes?

- Yes, it **does**.



2) Làm 01 phiếu "REVIEW GRAMMAR 1 + 2":

Con vào Liveworksheets, chọn Workbook "NIK3 - Week 1" - làm phiếu số 5

- 1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)  
Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

I - You - We - They



He - She - It

1. Do you like English?  
- Yes, I **do**.



2. Does she have math on Wednesday?  
- Yes, she **does**.



3. Do they play the piano?  
- No, they **don't**.



4. Does he play the drums?  
- No, he **doesn't**.



5. Do we have science on Monday?  
- No, we **don't**.



6. Does it have big eyes?  
- Yes, it **does**.



- 2) Làm 02 phiếu "REVIEW" và "GRAMMAR 1+2":

Con vào Liveworksheets, chọn Workbook "NIK3 - Week 1" - làm phiếu số 6 + 7

~ the end ~